

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN HỒ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HS-ST
Ngày 14-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ - TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Công Cầm

Ông Tráng A Lứ

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hằng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V - tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Công T; tên gọi khác: Không; sinh năm 1977, tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 4, Khu B, Phường Ph, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Công T, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị Nh (đã chết), bị cáo có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2005.

Tiền án:

+ Ngày 29/3/2005, TAND thị xã U, tỉnh Quảng Ninh áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, buộc trả lại cho Nguyễn Văn H 8.400.000 đồng. Chấp hành xong án phí HSST ngày 25/10/2007. Chấp hành xong án phạt tù ngày 08/12/2005.(Chưa được xóa án tích).

+ Ngày 25/10/2007, TAND thị xã U, tỉnh Quảng Ninh áp dụng điểm c khoản 2 điều 138; điểm p khoản 1, 2 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt

42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/5/2010. (Chưa được xóa án tích).

+ Ngày 25/4/2011, TAND huyện Th, thành phố H áp dụng điểm c khoản 2 điều 138; điểm g khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phí ngày 27/7/2012. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2014 (Chưa được xóa án tích).

+ Ngày 24/8/2016, TAND huyện C, tỉnh Lào Cai áp dụng điểm c khoản 2 điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phí ngày 13/8/2018. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 29/3/2019 (Chưa được xóa án tích).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 24/7/2000, TAND thị xã U, tỉnh Quang Ninh áp dụng khoản 1 điều 155 và khoản 1 điều 158 BLHS năm 1985 xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt 24 tháng tù (đã đương nhiên được xóa án tích).

Bị hại:

- Anh Phạm Bá T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Anh Đinh Văn H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Bản N, xã Ch, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Chị Đinh Thị Nh, sinh năm 1999, nơi cư trú: Bản N, xã Ch, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn T, xã H, thị xã, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Đỗ Công T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ 3, khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

- Người chứng kiến:

- Vi Văn Tr, sinh năm 1995, nơi cư trú: Xóm Tr, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn R, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Công T là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp, đã có nhiều tiền án về các tội Trộm cắp tài sản sau khi ra tù thường đi lang thang lợi dụng sơ hở của người dân để thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản làm nguồn sống cho bản thân. Trong tháng 6 năm 2019 Đỗ Công T đã thực hiện 2 vụ trộm cắp tài sản và 01 vụ Cường đoạt tài sản trên địa bàn huyện V, tỉnh Sơn La cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06 giờ ngày 14/6/2019 T đi xe khách từ Hà Nội lên huyện V, tỉnh Sơn La. Đến khoảng 13h cùng ngày khi xe đi đến khu vực bản C, xã L, huyện V, T xuống xe và đi bộ dọc Quốc Lộ 6, trên đường đi T thấy có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại SH mode, BKS: 26B1-808.66 của Phạm Bá T, sinh năm 1984, trú tại: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La đang dựng bên phải đường Quốc lộ 6, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, quan sát xung quanh không có người trông coi, T đã trộm cắp chiếc xe mục đích mang bán lấy tiền tiêu sài. T ngồi lên chiếc xe máy mở chìa khóa, nổ máy điều khiển chiếc xe đi về hướng Hà Nội. Khi đi được khoảng 04 km T vào vườn ngô cạnh đường mở cốp xe lấy cờ lê tháo biển kiểm soát vứt vào khe đá rồi điều khiển xe máy mang đến cầm cố cho Nguyễn Văn L (tên gọi khác là Kh), sinh năm: 1992, trú quán: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình được 8.000.000 đồng. Quá trình trao đổi cầm cố tài sản L không biết xe máy do T trộm cắp mà có, hai bên không làm giấy tờ. Sau khi nhận cầm cố xe máy, Nguyễn Văn L đã mang chiếc xe đến quán sửa chữa của Đinh Danh Ph, sinh năm 1992, trú quán: Thôn Tr, xã Ch, huyện H, tỉnh Thái Bình sửa chữa hết 2.000.000 đồng. Đỗ Công T đã tiêu sài hết số tiền cầm cố xe máy.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, Phạm Bá T đã có đơn trình báo đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện V điều tra làm rõ. Ngày 17/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, quá trình khám nghiệm không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 01/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tiến hành thu giữ chiếc xe máy BKS: 26B1-808.66 do Nguyễn Văn L giao nộp. Cùng ngày Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng tại khu vực xóm X, xã P, huyện M, tỉnh H, kết quả thu giữ tại khe đá ven đường Quốc Lộ 6 chiếc BKS: 26B1-808.66.

Ngày 01/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Sơn La định giá 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại SH mode BKS: 26B1-808.66. Tại kết luận định giá tài sản số: 50/KL-ĐGTS ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: "*chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại SH mode BKS: 26B1-808.66 có giá trị là 31.000.000 đồng*".

Ngày 09/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã quyết định giao trả cho anh Phạm Bá T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại SH mode và 01 chiếc BKS: 26B1-808.66. Phạm Bá T không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường thiệt hại.

Đối với Nguyễn Văn L khi cầm cố tài sản cho Đỗ Công T không biết chiếc xe máy do T trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý. Nguyễn Văn L yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường số tiền cầm cố xe máy là 8.000.000 đồng và không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng L sửa xe máy. Đỗ Công T chưa bồi thường cho Nguyễn Văn L.

Vụ thứ hai: Ngày 27/6/2019, Đỗ Công T đi xe khách từ thành phố U, tỉnh Quảng Ninh lên huyện V, tỉnh Sơn La. Khoảng 06h sáng ngày 28/6/2019 khi xe đi đến khu vực ngã ba đường rẽ vào xã Ch, huyện V. T xuống xe và đi bộ vào bản N, xã Ch. Khi đang đi bộ thì gặp Đinh Văn H, sinh năm 1978, trú tại: Bản N, xã Ch, huyện V, tỉnh Sơn La, T đã xin đi nhờ xe máy của H vào bản N. H mời T về nhà chơi, T tự giới thiệu mình tên là D nhà ở quận L, thành phố Hà Nội, H và T trao đổi số điện thoại để liên lạc. Sau đó T rủ H đi mua Hồng phiến sử dụng, H đồng ý và điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA, Sirius BKS 26P1- 066.75 chở T đi đến bản Co Tang, xã L, huyện V vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết. T đưa cho H 500.000 đồng, H hỏi mua được của người phụ nữ đó 500.000 đồng Hồng phiến và cùng T sử dụng hết. Đến khoảng 21h cùng ngày, T điều khiển xe máy của H chở H đi đến nhà bố đẻ H là Đinh Văn Ng, sinh năm 1951, trú tại: Bản H, xã V, huyện V ăn cơm, uống rượu rồi cùng nhau ngủ tại đó. Đến khoảng 01h ngày 29/6/2019, T dậy trộm cắp chiếc xe máy BKS 26P1- 066.75 của H mang đến cầm cố cho Nguyễn Thành T, sinh năm 1979, trú tại: Thôn T, xã H, thị xã U, TP Q, tỉnh Quảng Ninh được 4.700.000 đồng (khi cầm cố hai bên không làm giấy tờ), sau đó T đi lên nhà bạn gái là Nguyễn Thị A, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang chơi và tiêu sài hết số tiền trên. Quá trình trao đổi cầm cố tài sản T không biết chiếc xe máy do T trộm cắp mà có.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, Đinh Văn H đã có đơn đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện V điều tra làm rõ. Ngày 29/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định nơi Đỗ Công T trộm cắp chiếc xe máy BKS 26P1- 066.75 của Đinh Văn H là khu nhà ở của gia đình ông Đinh Văn Ng, sinh năm 1951, trú tại bản H 2, xã V. Quá trình khám nghiệm không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Ngày 01/7/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ chiếc xe máy BKS 26P1- 066.75 do Nguyễn Thành T giao nộp. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Sơn La định giá 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius BKS 26P1- 066.75 Đỗ Công T trộm cắp của Đinh Văn H. Tại kết luận định giá tài sản số: 51/KL-ĐGTS ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: “*chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius BKS 26P1- 066.75 có giá trị là 18.000.000 đồng*” .

Ngày 09/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã quyết định giao trả cho Đinh Văn H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius BKS 26P1- 06675. Đinh Văn H không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường thiệt hại.

Đối với Nguyễn Thành T khi cho T cầm cố xe máy không biết là tài sản do T trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý. Nguyễn Thành T yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường số tiền 4.700.000 đồng, Đỗ Công T chưa bồi thường cho Nguyễn Thành T.

Vụ thứ ba: Sau khi trộm cắp xe máy của Đinh Văn H, ngày 29/6/2019, trên đường đi lẩn trốn Đỗ Công T nhận được tin nhắn của con gái H là Đinh Thị Nh, sinh năm 1999, trú quán: Bản N, xã Ch, huyện V, tỉnh Sơn La với nội dung xin lại chiếc xe máy, T gọi lại vào điện thoại di động của Nh và tự giới thiệu tên là Th cấp bậc trung tá, đội trưởng đội ma túy trật tự xã hội của Bộ Công an và dùng lời nói đe dọa Nh là Đinh Văn H đã phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, chiếc xe máy của H đã bị tịch thu theo vụ án, nếu muốn chuộc xe máy và xóa tội cho H thì phải đưa cho T 100.000.000 đồng. Nh lầm tưởng T là cán bộ Công an và lo sợ H sẽ bị xử lý nên đồng ý sẽ chuyển số tiền 70.000.000 đồng đồng cho T và hẹn sáng ngày 30/6/2019 gặp và giao tiền cho T tại ngã ba huyện V, tỉnh Sơn La. Sự việc trên được Đinh Thị Nh trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện V. Sau đó T nhờ em trai là Đỗ Công T, sinh năm 1980, trú quán: Tổ 3, Khu 3, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đi từ Hà Nội lên huyện V, tỉnh Sơn La lấy tiền giúp T nhưng không nói đó là tiền do T đe dọa để chiếm đoạt, T đồng ý. Sáng ngày 30/6/2019, T thuê xe Taxi, BKS: 30A-450.93 của Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1985, trú quán: Thôn R, xã Y, huyện B, TP Hà Nội đi từ Hà Nội lên huyện V, Ng rủ Vì Văn Tr, sinh năm 1995, trú quán: Xóm Tr, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Ng đi cùng. Khoảng 11h ngày 30/6/2019, T đi đến địa điểm như đã hẹn để nhận tiền của Nh, khi chưa kịp nhận tiền thì lực lượng Công an mời về trụ sở Công an huyện V để xác minh làm rõ. Ngày 01/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã bắt khẩn cấp đối với Đỗ Công T.

Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 09/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã quyết định giao trả cho anh Phạm Bá T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại SH mode và 01 chiếc BKS: 26B1-808.66. Phạm Bá T không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường thiệt hại.

Đối với Nguyễn Văn L khi cầm cố tài sản cho Đỗ Công T không biết chiếc xe máy do T trộm cắp mà có. Nguyễn Văn L yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường số tiền cầm cố xe máy là 8.000.000 đồng và không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng Linh sửa xe máy. Đỗ Công T chưa bồi thường cho Nguyễn Văn L.

Ngày 09/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã quyết định giao trả cho Đinh Văn H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA loại Sirius BKS 26P1- 06675. Đinh Văn H không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường thiệt hại.

Đối với Nguyễn Thành T, khi cho T cầm cố xe máy không biết là tài sản do T trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý. Nguyễn Thành T

yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường số tiền 4.700.000 đồng, Đỗ Công T chưa bồi thường cho Nguyễn Thành T.

Đinh Thị Nh không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường gì.

Cáo trạng số 102/CT - VKS ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Đỗ Công T về tội cưỡng đoạt tài sản theo điểm d, e khoản 2 Điều 170 và tội Trộm cắp tài sản theo điểm b, g khoản 2 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Công T phạm tội Cưỡng đoạt tài sản và tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm d, e khoản 2 điều 170; điểm b, g khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự xử phạt Đỗ Công T từ 05 năm tù đến 06 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản; xử phạt Đỗ Công T từ 04 năm tù đến 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội; Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 585, 589 Bộ luật dân sự

Chấp nhận các bị hại không yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường thiệt hại.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L buộc Đỗ Công T phải bồi thường là 8.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành T buộc Đỗ Công T phải bồi thường số tiền 4.700.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 tịch thu tiêu hủy 03 phong bì đã niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Đỗ Công T, Đỗ Văn Ng, Vi Văn Tr là những vật không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO kèm 02 sim Viettet của Đỗ Công T.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát không có tranh luận gì.

Ý kiến của những người bị hại: Về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Đỗ Công T đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Công T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra như, Bản tự khai, Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người làm chứng, lời khai của người chứng kiến, lời khai của người bị hại, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung bị can, Kết luận định giá tài sản thể hiện: Ngày 14/6/2019 Đỗ Công T đã, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại SH mode, BKS: 26B1-80866 của Phạm Bá T trị giá tài sản chiếm đoạt là 31.000.000 đồng, ngày 29/6/2019 Đỗ Công T đã, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Loại Sirius, BKS: 26P1-06675 của Đinh Văn H trị giá tài sản chiếm đoạt là 18.000.000 đồng trong khi bị cáo đã có 4 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Sau khi trộm cắp xe máy của Đinh Văn H, biết H là đối tượng nghiện ma túy, Đỗ Công T đã mạo danh công an uy hiếp tinh thần, đe dọa Đinh Thị Nh (con gái H) phải đưa cho T số tiền 100.000.000 đồng, nếu không thực hiện H sẽ bị bắt, xử lý về tội ma túy khiến Đinh Thị Nh lo sợ phải chấp thuận giao tiền theo yêu cầu của T. Khi T chưa nhận tiền thì đã bị bắt giữ. Bị cáo T đã 3 lần tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo phạm tội do cố ý nên đủ yếu tố cấu thành tăng nặng định khung là Tái phạm nguy hiểm, tính cả lần phạm tội này bị cáo liên tục 5 lần phạm tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, bị cáo không có nghề nghiệp thường xuyên đi lang thang lợi dụng sơ hở trộm cắp tài sản, lấy việc tiêu thụ tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính (sau khi trộm cắp bị cáo mang tài sản đi tiêu thụ và dùng số tiền đó để sinh sống) nên đủ yếu tố cấu thành định khung tăng nặng là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo đã dùng thủ đoạn đe dọa, uy hiếp tinh thần yêu cầu chị Nh phải giao 100.000.000 đồng khiến chị Nh lo sợ phải đồng ý giao cho bị cáo 70.000.000 đồng và hẹn giao tiền tại ngã ba V khi chưa kịp nhận tiền thì bị bắt. Trên cơ sở đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đỗ Công T phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội Cường đoạt tài sản theo điểm d, e khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận rất xấu đến trật tự trị an tại địa phương, liên tục xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản trong một thời gian ngắn trên cùng một địa bàn huyện V. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, bị cáo đã từng nhiều lần bị kết án sau khi ra tù không tu dưỡng rèn luyện mà liên tục phạm tội, bản thân là người nghiện ma túy nên là người có nhân thân rất xấu. Vì vậy, phải áp dụng mức án nghiêm khắc, phù

hợp với từng hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích.

Ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Đối với Nguyễn Văn L khi cầm cố tài sản cho Đỗ Công T không biết chiếc xe máy do T trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý là có căn cứ.

[5] Đối với Nguyễn Thành T khi cầm cố tài sản cho T không biết là tài sản do T trộm cắp mà có, do đó Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý là có căn cứ.

[6] Đối với Đinh Văn H là đối tượng nghiện chất ma túy, ngày 27/6/2019 đã có hành vi cùng Đỗ Công T sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã quyết định xử lý vi phạm hành chính và đề nghị UBND xã Ch, huyện V áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã là đúng quy định.

[7] Đối với người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết ở bản C, xã L, huyện V đã bán ma túy cho Đinh Văn H do không rõ tên, tuổi nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, làm rõ và xử lý.

[8] Đỗ Công T khai nhận được Đỗ Công T nhờ lên huyện V để nhận tiền của Đinh Thị Nh, T không biết là tiền gì và không biết việc T uy hiếp, đe dọa để chiếm đoạt tiền của Nh. Xét hành vi của Đỗ Công T không liên quan đến hành vi phạm tội của Đỗ Công T do đó Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập đến biện pháp xử lý là có căn cứ.

[9] Đối với Vi Văn Tr và Nguyễn Văn Ng là nhân viên lái xe dịch vụ không biết và không liên quan đến vụ án, do đó Cơ quan điều tra không đề cập đến việc xử lý là có căn cứ.

[10] *Về dân sự của vụ án:*

Chấp nhận việc những người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường 8.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành T yêu cầu Đỗ Công T phải bồi thường số tiền 4.700.000 đồng.

[11] *Về vật chứng vụ án:* Đối với 03 phong bì đã niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Đỗ Công T, Đỗ Văn Ng, Vi Văn Tr là những vật không còn giá trị sử dụng tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO kèm 02 sim Viettel Đỗ Công T sử dụng vào việc liên lạc để phạm tội nên tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[12]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 170, điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 585, 589 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Công T phạm tội: Tội cưỡng đoạt tài sản và tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Công T 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Công T 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2019.

Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về dân sự:

- Chấp nhận các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

- Buộc Đỗ Công T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn L 8.000.000 đồng.

- Buộc Đỗ Công T phải bồi thường cho anh Nguyễn Thành T 4.700.000 đồng.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 03 phong bì đã niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Đỗ Công T, Đỗ Văn Ng, Vì Văn Tr.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO kèm 02 sim Viettel của Đỗ Công T.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm là 635.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND;
- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có QLNVLQ
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hiếu